

NỘI DUNG BÀI HỌC SINH 7

BÀI 39: CẤU TẠO TRONG CỦA THẦN LẦN

I/ BỘ XƯƠNG:

- Gồm:
- + Xương đầu.
- + Các đốt sống cổ (8 đốt).
- + Cột sống có các xương sườn, xương sườn khớp với xương mỏ ác tạo thành lồng ngực.
- + Xương chi: xương đai và các xương chi.

II/ CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG:

1) Tiêu hoá:

- Phân hoá và phức tạp hơn ếch.
- Có ruột già có khả năng hấp thụ lại nước.

2) Hệ tuần hoàn – hô hấp.

- Tuần hoàn: có 2 vòng tuần hoàn, tim xuất hiện vách hụt ngăn tạm thời tâm thất thành 2 nửa (4 ngăn chưa hoàn toàn). Máu nuôi cơ thể vẫn là máu pha (ít hơn ếch).
- Hô hấp: thở hoàn toàn bằng phổi, sự trao đổi khí được thực hiện nhờ sự co giãn của các cơ liên sườn.

3) Bài tiết:

- Cơ thể giữ nước nhờ lớp vảy sừng và hậu thận cùng trực tràng có khả năng hấp thụ lại nước.

III/ THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN:

- Hệ thần kinh và giác quan tương đối phát triển.

* Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK/129.
- Xem trước bài 40.

BÀI 40: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP BÒ SÁT

I/ ĐA DẠNG CỦA BÒ SÁT:

- Bò sát có 3 bộ phổ biến: bộ Có vảy, bộ Cá sấu và bộ Rùa.

II/ CÁC LOÀI KHỦNG LONG:

1) Sự ra đời và thời đại phồn thịnh của khủng long:

- Tổ tiên bò sát được xuất hiện cách đây khoảng 280 – 230 triệu năm.
- Thời đại phồn thịnh nhất là thời đại khủng long.

2) Sự diệt vong của khủng long:

- + Do sự cạnh tranh với chim và thú.
- + Do sự tấn công vào khủng long.
- + Do ảnh hưởng của khí hậu lạnh đột ngột và thiên tai.

III/ ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

- Bò sát là ĐVCXS thích nghi hoàn toàn với đời sống ở cạn: da khô, vảy sừng khô, cổ dài, màng nhĩ nằm trong hốc tai, chi yếu có vuốt sắc, phổi có nhiều vách ngăn, tim có vách hụt ngăn tâm thất (trừ cá sấu), máu đi nuôi cơ thể vẫn là máu pha, là động vật biến nhiệt. Có cơ quan giao phối, thụ tinh trong, trứng có màng dai hoặc vỏ đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng.

IV/ VAI TRÒ:

*** Đa số có lợi:**

- + Có ích cho nông nghiệp: diệt sâu bọ, diệt chuột (rắn, trăn...)
 - + Có giá trị thực phẩm: ba ba, rùa...
 - + Làm dược phẩm: rượu rắn, mật trăn...
 - + Làm sản phẩm mỹ nghệ: vảy đồi mồi, da trăn và rắn...
- #### *** Một số gây hại, như gây độc cho người: rắn độc...**

*** Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK/133.
- Xem trước bài 41.

LỚP CHIM

BÀI 41: CHIM BÒ CÂU

I/ ĐỜI SỐNG:

- Đời sống:
- + Thích nghi đời sống bay.
- + Là động vật hằng nhiệt.
- + Có tập tính làm tổ.
- Sinh sản:
- + Thụ tinh trong, đẻ trứng (1-2 trứng), trứng có nhiều noãn hoàng và có vỏ đá vôi bao bọc.
- + Có hiện tượng ấp trứng, nuôi con bằng sữa mẹ.

II/ CẤU TẠO NGOÀI

VÀ DI CHUYỂN:

1) Cấu tạo ngoài:

- Thân hình thon được phủ bằng lông vũ nhẹ xốp, hàm không có răng, có mỏ sừng bao bọc, chi trước biến đổi thành cánh, chi sau có bàn chân dài, các ngón chân có vuốt, ba ngón trước, một ngón sau.

Tuyến phao câu tiết dịch nhờn → thích nghi đời sống bay.

2) Di chuyển:

- Có 2 kiểu bay: bay vỗ cánh (chim bồ câu) và bay lượn (hải âu)

*** Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK/137.
- Đọc mục “Em có biết” SGK/137.
- Xem trước bài 42.

BÀI 42: THỰC HÀNH: QUAN SÁT BỘ XƯƠNG MÃU MỔ CHIM BÒ CÂU

BÀI 43: CẤU TẠO TRONG CỦA CHIM BÒ CÂU

I/ Các cơ quan dinh dưỡng:

1. Tiêu hoá:

- + Có điều chứa thức ăn và làm mềm thức ăn.
- + Dạ dày: dạ dày tuyến (tiết dịch tiêu hóa), dạ dày cơ (nghiền thức ăn)→ thức ăn tiêu hoá nhanh.
- + Không có ruột già→ làm chim nhẹ.

2. Tuần hoàn:

- + Tim có 4 ngăn.
- + Có 2 vòng tuần hoàn.

+ Máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

+ Phù hợp với trao đổi chất mạnh ở chim→ thích nghi với đời sống bay

3. Hô hấp:

- + Có thêm hệ thống túi khí (9 túi khí) thông với phổi.
- + Giúp tận dụng lượng O₂, làm nhẹ cơ thể và giảm ma sát nội quan khi bay.

4. Bài tiết và sinh dục:

- Bài tiết: đôi thận sau, không có bóng đái→ làm giảm trọng lượng của cơ thể.

- Sinh dục:

Chim trống: có đôi tinh hoàn và các ống dẫn tinh.

Chim mái: chỉ có 1 buồng trứng và ống dẫn trứng bên trái phát triển→ làm chim nhẹ.

II/ Thần kinh và giác quan:

+ Não trước, não giữa (2 thùy thị giác) và não sau phát triển.

+ Giác quan: mắt có mí thứ ba, tai có ống tai ngoài.

*** Củng cố đánh giá:**

- Tổng kết ngắn gọn các đặc điểm cấu tạo trong của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay:

+ Tiêu hoá: không có ruột già.

+ Tuần hoàn: tim có 4 ngăn, máu nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

+ Hô hấp: có thêm hệ thống túi khí (9 túi khí).

+ Bài tiết: không có bóng đái.

+ Sinh dục: chim mái chỉ có 1 buồng trứng và ống dẫn trứng bên trái phát triển.

+ Giác quan: mắt có mí thứ ba giúp chim nhìn và bảo vệ mắt khi bay.

*** Dặn dò:**

- Vẽ hình hệ tuần hoàn.

- Học bài, làm câu hỏi cuối bài vào vở.

- Xem trước bài: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp chim.

BÀI 44: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP CHIM

I/ Các nhóm chim:

Có 3 nhóm:

1. Nhóm Chim chạy: bộ Đà điểu

- Sống ở thảo nguyên, sa mạc
- Cánh ngắn, yếu, cơ ngực không phát triển.
- Chân cao, to, khỏe, có 2 đến 3 ngón.

2. Nhóm Chim bơi: bộ Chim cánh cụt

- Sống ở biển Nam Bán Cầu
- Cánh dài, khỏe; có lông nhỏ, ngắn và dày, không thấm nước.
- Chân ngắn, có 4 ngón, có màng bơi.

3. Nhóm Chim bay: Bộ Gà, Bộ Ngỗng, Bộ Chim Ưng, Bộ Cú...

-Gồm những chim biết bay với mức độ khác nhau, có thể thích nghi với những lối sống đặc biệt:

+ Bơi lội (vịt trời,...)

+ Ăn thịt (chim ưng, cú...)

-Cánh phát triển, chân có 4 ngón.

II/ Đặc điểm chung của chim:

Chim là những ĐVCXS thích nghi cao đối với sự bay lượn và với những điều kiện sống khác nhau. Chúng có những đặc điểm chung sau: mình có lông vũ bao phủ; chi trước biến đổi thành cánh; có mỏ sừng; phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia vào hô hấp; tim có 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể, là động vật hằng nhiệt. Trứng lớn có vỏ đá vôi, được ấp nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố, mẹ.

III/ Vai trò của chim:

* Ích lợi:

- An sâu bọ và gặm nhấm
- Cung cấp thực phẩm. VD: gà, vịt...
- Làm cảnh (chim họa mi, sáo...)
- Cho lông làm chăn, đệm, đồ trang trí
- Huấn luyện để săn mồi.
- Giúp phát tán cây rừng, thụ phấn cây
- Phục vụ cho du lịch.

*Tác hại: cho nông nghiệp (chim ăn quả, chim ăn hạt, chim ăn cá)

* Dẫn dò:

-Học bài, trả lời câu hỏi cuối bài SHK/146.

-Xem bài 46: Thỏ

BÀI 45: THỰC HÀNH: XEM BẢNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CỦA CHIM

LỚP THÚ (LỚP CÓ VÚ) BÀI 46: THỎ

I/ Đời sống:

- Sống trong bụi rậm, có tập tính đào hang, lẩn trốn kẻ thù.
- Thỏ là động vật hằng nhiệt.
- Hoạt động về đêm, ăn cỏ, lá ... bằng cách gặm nhấm.
- Thụ tinh trong.
- đẻ con (thai sinh)
- Nuôi con bằng sữa mẹ.

II/ Cấu tạo ngoài và di chuyển:

1. Cấu tạo ngoài :

Bảng. Đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù

Bộ phận cơ thể	Đặc điểm cấu tạo ngoài	Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù
Bộ lông	Bộ lông mao, dày, xốp.	Giữ nhiệt tốt, giúp thỏ an toàn khi lẩn trốn trong bụi rậm.
Chi(có vuốt)	Chi trước ngắn. Chi sau dài, khỏe.	Đào hang và di chuyển. Bật nhảy xa giúp thỏ chạy nhanh khi bị săn đuổi.
Giác quan	Mũi thính và lông xúc giác cảm giác xúc giác nhanh, nhạy. Tai thính , vành tai lớn dài cử động được theo các phía.	Thăm dò thức ăn, phát hiện kẻ thù, thăm dò môi trường Định hướng âm thanh phát hiện sớm con mồi.

2. Di chuyển

+ Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời bằng cả 2 chân sau.

+ Chạy theo đường chữ Z.

→ Cấu tạo ngoài, các giác quan, chi và cách di chuyển của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.

* **Củng cố và đánh giá:**

- Cho HS làm lại bảng điền (phần thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù).
- Cho HS trả lời câu hỏi cuối bài 3 SGK/151.

Câu 3: Nêu ưu điểm của sự thai sinh so với sự đẻ trứng và noãn sinh?

Trả lời: Thai sinh không lệ thuộc vào lượng noãn hoàng có trong trứng như ĐVCXS đẻ trứng. Phôi được phát triển trong bụng mẹ an toàn và điều kiện sống thích hợp cho phát triển.

Con non được nuôi bằng sữa mẹ không bị lệ thuộc vào thức ăn tự nhiên.

- Đọc mục “Em có biết”.

* **Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi cuối bài SGK/151.
- Làm BT trong sách THSH7/ 71, 72, 73.
- Xem trước bài 47: Cấu tạo trong của thỏ.

BÀI 47: CẤU TẠO TRONG CỦA THỎ

I/ Bộ xương và hệ cơ:

1. Bộ xương:

Gồm xương đầu, các đốt sống cổ, xương cột sống, xương sườn, xương mỏ ác, các xương chi. so sánh bộ xương thỏ với bộ xương thằn lằn.

* Giống: + Xương đầu.

+ Cột sống: xương sườn, xương mỏ ác.

+ Xương chi: đai vai, chi trên; đai hông, chi dưới.

* Khác nhau:

Bộ xương thỏ	Bộ xương thằn lằn
+ Có 7 đốt sống cổ. + Xương sườn kết hợp với đốt sống lưng và xương ức tạo thành lồng ngực (có cơ hoành). + Các xương chi thẳng góc, nâng đỡ cơ thể	+ Có 8 đốt sống cổ. + Xương sườn có cả ở đốt thắt lưng (chưa có cơ hoành). + Các xương chi nằm ngang.

2. Hệ cơ:

- Xuất hiện thêm cơ hoành tham gia vào hoạt động hô hấp.

II/ Các cơ quan dinh dưỡng:

Bảng. Thành phần của các hệ cơ quan

Hệ cơ quan	Vị trí	Các thành phần
Tiêu hoá	Trong khoang bụng	Ống tiêu hoá: Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, ruột thẳng, ruột tịt (manh tràng). Tuyến tiêu hoá: Gan, tụy.
T tuần hoàn	Tim trong khoang ngực(giữa 2 lá phổi). Các mạch máu phân bố khắp cơ thể.	Tim và hệ mạch (động mạch, tĩnh mạch và mao mạch).
Hô hấp	Trong khoang ngực	Khí quản, phế quản và 2 lá phổi.
Bài tiết	Trong khoang bụng, sát sống lưng.	Đôi thận sau, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, đường tiểu.
Sinh sản	Trong khoang bụng, phía dưới.	Con cái: buồng trứng, ống dẫn trứng, sừng tử cung. Con đực: tinh hoàn, ống dẫn tinh, cơ quan giao phối.

1. Tiêu hoá:

- Thỏ thuộc động vật ăn thực vật kiểu gặm nhấm: có răng cửa sắc, răng hàm kiểu nghiền, thiếu răng nanh, có manh tràng phát triển (tiêu hoá xenlulô).

2. Tuần hoàn và hô hấp:

* Tuần hoàn:

- Có 2 vòng tuần hoàn, tim 4 ngăn hoàn chỉnh, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

* Hô hấp:

- Phổi có nhiều túi phổi nhỏ làm tăng diện tích trao đổi khí

- Sự trao đổi khí được thực hiện nhờ các cơ liên sườn và cơ hoành.

3. Bài tiết:

- Đôi thận sau có cấu tạo hoàn thiện nhất (phù hợp với chức năng trao đổi chất).

III/ Thần kinh và giác quan:

+ Bộ não có não trước (là trung ương của các phản xạ phức tạp) và tiểu não (điều khiển các cử động phức tạp) phát triển liên quan đến hoạt động phong phú và phức tạp ở thỏ.

+ Giác quan rất phát triển.

*** Kiểm tra – đánh giá:**

- Cho HS trả lời câu hỏi:

Hãy đánh dấu (x) vào ý trả lời đúng nhất ở các câu sau:

Câu 1: Ở thỏ, quá trình thông khí ở phổi là do sự co giãn của:

- ☐ a) Cơ hoành, cơ ngực
- ☐ b) Cơ hoành, cơ sườn
- ☒ c) Cơ hoành, cơ liên sườn
- ☐ d) Cả a,b,c đều sai

Câu 2: Ở thỏ, diện tích trao đổi khí tăng do phổi có nhiều:

- ☐ a) Phế quản
- ☒ b) Phế nang
- ☐ c) Phế bào
- ☐ d) Cả a,b,c đều sai

Câu 3: Ở các phần não thỏ, các phần phát triển che lấp phần khác của não là:

- ☐ a) Bán cầu não, não giữa
- ☐ b) Bán cầu não, hành tủy
- ☐ c) Bán cầu não, thùy khứu giác
- ☒ d) Bán cầu não, tiểu não

Câu 4: Ở bộ não thỏ, phần phát triển, điều khiển các hoạt động phức tạp ở thỏ là:

- ☐ a) Hành tủy
- ☒ b) Tiểu não
- ☐ c) Não giữa
- ☐ d) Thùy khứu giác

Câu 5: Hãy xếp các cặp ý tương ứng trong các cột bảng dưới đây:

Cột A	Cột B
1. Số ngăn tim của thỏ	A. Hằng nhiệt
2. Máu đi nuôi cơ thể	B. Hai vòng
3. Thỏ là động vật	C. Manh tràng phát triển
4. Số vòng tuần hoàn ở thỏ	D. Bốn ngăn
5. Hệ tiêu hoá của thỏ	E. Máu đỏ tươi

Trả lời: 1 D, 2 E, 3 A, 4 B, 5 C

5) Dặn dò:

Học bài 47, xem bài 48: ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ
BỘ THÚ HUYỆT, BỘ THÚ TÚI